

1



QUÁN CHIẾU



Trong bao nhiêu năm qua, tôi đã dành nhiều thì giờ quán chiếu về sự tiến bộ thần kì của khoa học. Chỉ nội trong khoảng thời gian ngắn ngủi của cuộc đời tôi, tôi đã chứng kiến những ảnh hưởng vĩ đại của khoa học và kỹ thuật lên đời sống con người. Mặc dầu, thoạt tiên, tôi đến với khoa học — một thế giới bị chi phối bởi kỹ thuật và hãy còn xa lạ đối với tôi — chỉ vì tính tò mò, mãi đến sau này, nhất là từ khi tôi phải lưu vong năm 1959, ý nghĩa tiềm tàng to lớn của khoa học đối với con người mới bắt đầu nở hé trong tôi. Ngày nay, hầu như không có một ngõ ngách nào của cuộc sống mà không có bàn tay của khoa học và kỹ thuật chạm đến. Thế nhưng, liệu chúng ta đã hiểu rõ vai trò của khoa học trong toàn bộ đời sống của con người chưa: cụ thể, khoa học phải làm gì cho con người, và được kiểm soát, quản lí như thế nào? Điểm thứ nhì này rất quan trọng, bởi vì trừ phi khoa học được dẫn dắt bởi động cơ của đạo đức luân lí, nhất là lòng từ bi, nó có thể có tác dụng ngược lại, nếu không muốn nói là nguy hại.

Từ khi nhận chân được vai trò to lớn kinh khủng của khoa học cũng như vai trò thống trị tất yếu của nó đối với thế giới

hiện đại, thái độ của tôi đối với khoa học đã thay đổi từ tò mò đến dần thân. Trong Đạo Phật, lí tưởng cao nhất của một tu sĩ là gieo trồng những hạt giống của lòng từ bi nơi chúng sinh và phụng sự cho hạnh phúc của nhân loại với tất cả khả năng của mình. Tôi đã được giáo dưỡng để áp ử lí tưởng này từ hồi ấu thơ, và tôi đã cố gắng thực hành lí tưởng đó trong tất cả mọi việc tôi làm. Vì vậy, tôi đã tìm hiểu khoa học vì nó mở ra cho tôi một chân trời mới cho cuộc hành trình đi tìm bản chất của thực tại. Tôi còn muốn tìm hiểu khoa học vì nhận ra đó là một phương thức rất hữu hiệu để diễn đạt những tuệ giác mà tôi góp nhặt được từ truyền thống tâm linh của tôi. Cho nên, đối với tôi, nhu cầu dần thân với sức mạnh hùng hậu của khoa học cũng chính là một sứ mạng tâm linh.

Câu hỏi chính tâm¹ nhất, chính tâm đối với sự sinh tồn và hạnh phúc của thế giới chúng ta, là: làm thế nào ta có thể vận dụng những tác dụng kì diệu của khoa học vào việc phục vụ những nhu yếu của con người và các loài hữu tình (chúng sinh) đang chung sống với chúng ta trên quả địa cầu này, với một tấm lòng vị tha và từ bi?

Liệu đạo lí có chỗ đứng trong khoa học hay không? Tôi tin rằng có. Trước hết, cũng như một con dao hai lưỡi, khoa học có thể được sử dụng cho mục đích tốt hay xấu. Chính cái tâm của người cầm dao quyết định lưỡi dao được sử dụng vào mục đích gì. Thứ hai, những khám phá của khoa học ảnh hưởng đến tri kiến của chúng ta về thế giới và vai trò của ta trong thế giới đó. Nó tác động lên hành vi của chúng ta. Chẳng hạn, những hiểu biết của con người về máy móc đưa tới cuộc Cách Mạng Công Nghiệp², một cuộc cách mạng mà trong đó sự thám hiểm, khám phá thiên nhiên không còn là một điều xa lạ. Tuy nhiên, đa số chúng ta quan niệm rằng vấn đề đạo đức chỉ áp dụng cho những *ứng dụng* của khoa học mà thôi, chứ không ăn nhập gì đến sự theo đuổi khoa học. Trong khuôn khổ của một quan

¹ Thiết yếu

² Industrial Revolution

niệm như vậy, cá nhân các nhà khoa học nói riêng và cộng đồng khoa học nói chung giữ thế đứng trung lập trong vấn đề đạo đức, không có trách nhiệm gì về hậu quả của những khám phá của họ. Song, có rất nhiều những kĩ thuật mới mẻ do những phát kiến khoa học ấy mang lại đã tạo những điều kiện và mở ra những khả năng tân kì đặt ra nhiều vấn đề khó khăn trên bình diện đạo đức và tâm linh. Ta không thể dung túng các công ti, các tổ chức kinh doanh và cá nhân các nhà khoa học tự do, vô trách nhiệm nhúng tay vào việc tạo tác ra một thực tại mới.

Có lẽ, điểm then chốt là phải làm sao để đảm bảo rằng khoa học không bao giờ tách rời khỏi cảm xúc cơ bản nhất của con người, đó là lòng bi mẫn đối với đồng loại. Các ngón tay sẽ hóa ra vô dụng nếu không có bàn tay; các khoa học gia phải thấy được mối tương quan không thể tách rời của mọi lãnh vực trong xã hội. Đành rằng khoa học giữ vai trò tối quan trọng đối với xã hội, nhưng nó chỉ là một ngón tay của nhân loại. Tiềm lực của nó có thể được phát huy tối đa, nhưng với điều kiện chúng ta phải luôn luôn ý thức được điều này. Nếu không, ta sẽ lạc hướng, không biết đâu là mục tiêu phải nhắm tới; nếu không, con người hóa ra sẽ chỉ biết phục vụ cho sự tiến bộ của khoa học, thay vì ngược lại, khoa học phải phục vụ cho con người. Khoa học kĩ thuật là những phương tiện hùng hậu, nhưng con người phải quyết định sẽ sử dụng chúng như thế nào. Điều quan trọng trên hết là động cơ thúc đẩy việc sử dụng khoa học kĩ thuật phải dựa trên sự hòa hợp giữa tình cảm và trí tuệ.

Đối với tôi, khoa học trước hết là một lãnh vực thực nghiệm có thể cung cấp cho nhân loại một phương tiện hùng hậu để tìm hiểu bản chất của thế giới vật lí và thế giới sinh vật. Trên cơ bản, nó là một phương thức tìm hiểu có thể cung cấp cho chúng ta những tri thức cực kì chi tiết về thế giới thực nghiệm và những định luật tiềm tàng của tự nhiên mà ta khám phá được dựa trên những dữ kiện thực nghiệm. Khoa học phát triển bằng những phương pháp cụ thể như đo lường, định lượng

và sự kiểm thực bởi nhiều người³ qua những thí nghiệm được lập đi lập lại nhiều lần. Ít nhất, đây là phương pháp khoa học hiện thời, trong khuôn mẫu hiện thời. [Tuy nhiên], trong mô hình này, rất nhiều khía cạnh của con người, trong đó có giá trị đạo đức, sự sáng tạo, và đời sống tâm linh, cũng như những trăn trở sâu xa về những vấn đề siêu hình, đều nằm ngoài sự khảo cứu của khoa học.

Mặc dầu có những bình diện của cuộc sống và tri thức nằm ngoài khuôn khổ khảo sát của khoa học, tôi nhận thấy có nhiều người trong chúng ta quan niệm rằng cái nhìn của khoa học về thế giới là nền tảng của tất cả các tri thức và cũng là tất cả vốn tri thức của con người. Đây chính là chủ nghĩa duy vật khoa học (scientific materialism). Tuy rằng chưa hề có một trường phái triết học cụ thể nào từng vạch ra điều này, nhưng đây là điều không cần bàn cãi gì nữa. Cái nhìn này [tức của chủ nghĩa duy vật khoa học] dựa trên một sự tin tưởng vào một thực tại khách quan, độc lập đối với chủ thể (người quan sát). Nó đặt giả thuyết rằng những dữ kiện được phân tích trong một thí nghiệm không liên quan gì đến định kiến, tri giác, và kinh nghiệm của nhà khoa học đang tiến hành cuộc thí nghiệm đó.

Nền tảng của quan niệm này, nói cho cùng, là thế giới này chỉ có vật chất mà thôi, vật chất được mô tả bằng vật lý học và tuân theo những qui luật vật lý. Dựa trên cái nhìn đó, hóa ra ngành tâm lý học chỉ là sinh vật học, sinh vật học là hóa học, và hóa học là vật lý học thôi sao! Tôi không có ý định tranh luận về phép qui giản⁴ ở đây (mặc dầu tôi không theo phép ấy), mà chỉ muốn vạch ra một điểm quan trọng: rằng quan điểm này đã không dựa trên tri thức khoa học, mà nó chỉ đại diện cho những tư tưởng triết học, nói đúng hơn, là tư tưởng siêu hình. Quan niệm rằng tất cả mọi khía cạnh của thực tại đều có thể qui giản về vật chất và các hạt vật chất, theo tôi, cũng là một biểu hiện

³ Intersubjective verification, tạm dịch

⁴ Reduction

của chủ nghĩa siêu hình như là cho rằng có một Đấng Sáng Thế đã tạo ra và điều khiển thực tại.

Một trong những vấn đề của chủ nghĩa duy vật khoa học thâm căn là nó đưa đến một cái nhìn hạn hẹp và dễ rơi vào chủ nghĩa hư vô (nihilism). Chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa duy vật, và chủ nghĩa qui giản⁵, trên bình diện triết học, chính là vấn đề sâu xa nhất, nhất là đứng trên cái nhìn nhân bản, vì nó khiến cho cái thấy của ta về thực tại và bản thân ta bị mờ nhạt, méo mó hẳn đi. Chẳng hạn, tùy theo ta nhận thức được rằng chúng ta chỉ là những loài sinh vật ngẫu nhiên mà thành hay là những con người có ý thức và đạo đức mà điều này sẽ ảnh hưởng đến tri kiến của ta về bản thân mình và cách ứng xử với người khác. Với cái nhìn này, rất nhiều bình diện của thực tại toàn vẹn về con người — nghệ thuật, đạo đức, tâm linh, cái thiện, cái đẹp, và nhất là, tâm thức — hoặc được xem như chỉ là những phản ứng hóa học giữa các tế bào thần kinh, hoặc chỉ là những sản phẩm của trí tưởng tượng đơn thuần. Điều nguy hiểm là, dưới cái nhìn như thế, con người chẳng qua chỉ là những cái máy biết đi, chỉ là những kết quả may rủi của sự phối hợp ngẫu nhiên vô định của các yếu tố di truyền, không có mục đích gì khác hơn ngoài nhu cầu sinh sản.

Thật khó mà hiểu được với một thế giới quan như vậy, làm sao người ta có thể trả lời những câu hỏi như ý nghĩa của cuộc sống là gì, đâu là thiện, đâu là ác... Vấn đề ở đây không phải là ở nơi các dữ kiện nhận xét được của khoa học, mà là ở quan điểm cho rằng chỉ có những dữ kiện này không thôi là cái căn bản chính đáng có thể cung cấp cho chúng ta cái thấy toàn diện rất ráo về thế giới hoặc có thể giải quyết đúng đắn các vấn đề mà thế giới phải đương đầu. Thật ra, có rất nhiều bình diện khác về sự sống của con người và thực tại mà khoa học đương đại không bao giờ có thể đưa chúng ta đến được.

⁵ Reductionism (chủ nghĩa qui giản): chủ thuyết cho rằng chỉ có vật chất là thực và tất cả các khoa học sẽ qui về một mối là vật lí học.

Mặt khác, tâm linh phải hòa hợp với tri thức và những khám phá của khoa học. Nếu một tu sĩ hoàn toàn không quan tâm gì đến những phát kiến của khoa học thì sự thực hành của người ấy cũng mất hết công dụng và sẽ dễ bị rơi vào chủ nghĩa căn bản⁶. Đây là một trong những lí do mà tôi luôn luôn khuyến khích các Phật tử đồng môn của tôi hãy đến với khoa học, để các tri thức khoa học có cơ hội được hòa nhập với thế giới quan của Phật giáo.

⁶ Fundamentalism: theo đúng kinh điển cổ truyền một cách cứng nhắc, coi (kinh điển) là chân lí vĩnh cửu.